

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH - BỘ NỘI VỤ -----	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----
Số: 07/2016/TTLT- BVHTTDL-BNV	Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2016

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**QUY ĐỊNH MÃ SỐ VÀ TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC
CHUYÊN NGÀNH MỸ THUẬT**

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 204/2004/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 76/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 58/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên tịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành mỹ thuật.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư liên tịch này quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành mỹ thuật làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập.
2. Viên chức chuyên ngành mỹ thuật quy định tại Khoản 1 Điều này bao gồm họa sĩ làm các công việc: tạo hình con rối; động tác phim hoạt hình; thiết kế trang trí sân khấu; hóa trang, phục trang sân khấu, điện ảnh.

Điều 2. Mã số và phân hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành mỹ thuật

Chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành mỹ thuật, bao gồm:

- | | |
|--------------------|-------------------|
| a) Họa sĩ hạng I | Mã số: V.10.08.25 |
| b) Họa sĩ hạng II | Mã số: V.10.08.26 |
| c) Họa sĩ hạng III | Mã số: V.10.08.27 |
| d) Họa sĩ hạng IV | Mã số: V.10.08.28 |

Điều 3. Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp của các chức danh viên chức chuyên ngành mỹ thuật

1. Có trách nhiệm cao, yêu nghề, nhiệt tình với công việc được giao, luôn tuân thủ pháp luật, luôn thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của người viên chức trong hoạt động nghề nghiệp.
2. Quan tâm đến sự nghiệp phát triển nghệ thuật mỹ thuật; luôn có ý thức giữ gìn, bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật mỹ thuật truyền thống của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
3. Trung thực, khách quan, thẳng thắn, có chính kiến rõ ràng; có thái độ khiêm tốn, đúng mực khi tiếp xúc với công chúng; có ý thức đấu tranh với những hành vi sai trái, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.
4. Có ý thức tôn trọng, phối hợp, giúp đỡ đồng nghiệp, chia sẻ kinh nghiệm trong công tác.

Chương II

TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Điều 4. Họa sĩ hạng I - Mã số: V.10.08.25

1. Nhiệm vụ:

- a) Chủ trì tổ chức sáng tác và chỉ đạo thực hiện các công trình, tác phẩm mỹ thuật có quy mô lớn, có độ phức tạp cao;
- b) Phát huy khuynh hướng sáng tạo mỹ thuật mới; tổng kết, đúc rút kinh nghiệm, nghiên cứu, đề xuất những vấn đề có liên quan đến quy trình sáng tạo nghệ thuật;
- c) Chủ trì các đề tài nghiên cứu khoa học, phân tích các khuynh hướng sáng tác mỹ thuật trong và ngoài nước; chuẩn bị tư liệu, tài liệu phục vụ cho việc sáng tác, thực hiện các giải pháp tạo hình (phác thảo, hoàn thành phác thảo, thể hiện tác phẩm); chủ trì chuẩn bị nội dung cho các cuộc hội thảo nghiệp vụ chuyên ngành ở trong và ngoài nước;
- d) Theo dõi, đánh giá hiệu quả xã hội của công trình, tác phẩm, sau khi đưa ra công chúng rộng rãi để rút kinh nghiệm, đề xuất xu hướng sáng tác các công trình, tác phẩm mới;
- đ) Chủ trì xây dựng nội dung, chương trình, tài liệu và tổ chức bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ cho viên chức hạng dưới.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành mỹ thuật;
- b) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh họa sĩ hạng I.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn nghiệp vụ:

- a) Nắm vững và thực hiện đúng quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;
- b) Nắm vững kiến thức tổng hợp về các loại hình mỹ thuật; đặc trưng, đặc điểm của các môn nghệ thuật liên quan; nắm vững các thành tựu khoa học kỹ thuật ở trong và ngoài nước liên quan đến nghiệp vụ mỹ thuật;
- c) Nắm vững các hình thức, phương pháp sáng tác và các quy trình kỹ thuật nghiệp vụ liên quan;

d) Khai thác, sử dụng thành thạo các chất liệu, có nhiều kinh nghiệm trong hoạt động sáng tác, thể hiện các công trình, tác phẩm;

đ) Có năng lực chỉ đạo và phối hợp với đồng nghiệp trong tổ chức các hoạt động chuyên môn về mỹ thuật; có khả năng nghiên cứu, đề xuất các giải pháp sáng tạo về lĩnh vực mỹ thuật;

e) Có ít nhất 02 công trình hoặc tác phẩm được Hội đồng nghệ thuật chuyên ngành cấp Bộ hoặc tương đương công nhận về chất lượng nghệ thuật.

4. Viên chức thăng hạng vào chức danh họa sĩ hạng I gồm một trong các trường hợp sau:

a) Được phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân.

b) Đáp ứng đủ các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này và phải có thời gian giữ chức danh họa sĩ hạng II hoặc tương đương tối thiểu là 06 năm, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh họa sĩ hạng II tối thiểu là 02 năm.

Điều 5. Họa sĩ hạng II - Mã số: V.10.08.26

1. Nhiệm vụ:

a) Chủ trì tổ chức sáng tác và chỉ đạo thực hiện các công trình, tác phẩm mỹ thuật có quy mô vừa, có độ phức tạp trung bình;

b) Tổng kết, đúc rút kinh nghiệm, nghiên cứu, đề xuất những vấn đề có liên quan đến quy trình sáng tạo nghệ thuật;

c) Tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học, phân tích các khuynh hướng sáng tác mỹ thuật trong và ngoài nước;

d) Theo dõi, đánh giá hiệu quả xã hội của công trình, tác phẩm, sau khi đưa ra công chúng rộng rãi để rút kinh nghiệm, đề xuất xu hướng sáng tác các công trình, tác phẩm mới;

đ) Tham gia xây dựng nội dung, chương trình, tài liệu và tổ chức bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ cho viên chức hạng dưới.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành mỹ thuật;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh họa sĩ hạng II.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn nghiệp vụ:

- a) Nắm vững và thực hiện đúng quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;
- b) Nắm được kiến thức tổng hợp về các loại hình mỹ thuật; đặc trưng, đặc điểm của các môn nghệ thuật liên quan; nắm được các thành tựu khoa học kỹ thuật ở trong và ngoài nước liên quan đến nghiệp vụ mỹ thuật;
- c) Nắm được các hình thức, phương pháp sáng tác và các quy trình kỹ thuật nghiệp vụ liên quan;
- d) Biết khai thác, sử dụng thành thạo các chất liệu, có kinh nghiệm trong hoạt động sáng tác;
- đ) Có khả năng nghiên cứu và phối hợp với đồng nghiệp trong tổ chức các hoạt động chuyên môn về mỹ thuật;
- e) Có ít nhất 01 công trình hoặc tác phẩm được Hội đồng nghệ thuật chuyên ngành cấp Bộ hoặc tương đương công nhận về chất lượng nghệ thuật.

4. Viên chức thăng hạng vào chức danh họa sĩ hạng II gồm một trong các trường hợp sau:

- a) Được phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ ưu tú.
- b) Đáp ứng đủ các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này và phải có thời gian giữ chức danh họa sĩ hạng III hoặc tương đương tối thiểu là 09 năm, trong đó thời gian giữ chức danh họa sĩ hạng III tối thiểu là 02 năm.

Điều 6. Họa sĩ hạng III - Mã số: V.10.08.27

1. Nhiệm vụ:

- a) Thực hiện các công trình, tác phẩm mỹ thuật có quy mô vừa và nhỏ, có độ phức tạp trung bình; thể hiện tranh, tượng, thiết kế mỹ thuật... trên một chất liệu hoặc trên các chất liệu khác nhau đảm bảo nội dung và hình thức theo sự phân công;
- b) Nghiên cứu các đề tài, chuẩn bị tư liệu, tài liệu; phối hợp với những người có liên quan thống nhất ý tưởng sáng tạo, đảm bảo quy trình hoàn thành công trình, tác phẩm được giao; thực hiện các giải pháp tạo hình (hoàn thành phác thảo, thể hiện tác phẩm);